

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giàng A Tăng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý A Thu và ông Cà Văn Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thào A Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:**  
Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2021/TLST- HN&GD ngày 03 tháng 6 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Mùa Thị S**, năm sinh 1992 – có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Bản SA, xã T, huyện TG, tỉnh DB.

Địa chỉ hiện nay: Bản HL, xã E, huyện TC, tỉnh SL.

2. Bị đơn: Anh **Vừ A D**, sinh năm 1995 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản SA, xã T, huyện TG, tỉnh DB.

3. Người phiên dịch cho chị Mùa Thị S: Anh Sùng A Vừ, sinh năm 2001 – có mặt.

Địa chỉ: Bản Lồng, xã T, huyện TG, tỉnh DB.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mùa Thị S trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị S và anh D kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TG, tỉnh DB ngày 04/5/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 04/5/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vừ A D không chăm lo

cho gia đình hay đi nay đây mai đó, chị S và hai bên gia đình nội ngoại đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không tu chí làm ăn, chăm lo gia đình. Từ nguyên nhân trên vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, chị S xác nhận do anh D không yêu thương chị S, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vừ A D.

- Về con chung: Chị S và anh D có 02 người con chung là Vừ Duy Ph, sinh ngày 03/01/2017; Vừ A T, sinh ngày 21/6/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Mùa Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn anh Vừ A D*: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh D, nhưng anh D không đến. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh D. Hiện tại anh D đang cư trú và sinh sống tại bản SA, xã T, huyện TG, tỉnh ĐB nhưng thường hay đi về thất thường nên Tòa án không trực tiếp tổng đạt Thông báo thụ lý cho anh D được. Do vậy Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt văn bản tố tụng cho chính quyền địa phương là ông Vàng A Chá (trưởng bản SA) và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho anh D. Hết thời gian theo quy định, Tòa án đã tiến hành triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và thực hiện cấp, tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật để anh D được biết, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Chị S và anh D tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị có 02 người con chung là Vừ Duy Ph, sinh ngày 03/01/2017 và Vừ A T, sinh ngày 21/6/2019. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh D không chăm lo cho gia đình, con cái hay đi nay đây mai đó và hiện tại chị S đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại bản Huổi Lênh, xã É T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Mùa Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG tại phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị Mùa Thị S, anh Vừ A D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Mùa Thị S yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh Vừ A D.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia

đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu Vừ Duy Ph, sinh ngày 03/01/2017; cháu Vừ A T, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Mùa Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vừ A D chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Mùa Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Mùa Thị S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Chị Mùa Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vừ A D có địa chỉ tại bản SA, xã T, huyện TG, tỉnh ĐB. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh ĐB.

Tại phiên tòa ngày 19/8/2021 anh D vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Vừ A D vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Mùa Thị S và anh Vừ A D kết hôn trên sự tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TG, tỉnh ĐB. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 04/5/2017 của UBND xã T (BL 02, 03) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị S, anh D thường xuyên xảy cãi chửi nhau do anh D thường đi nay đây mai đó, không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình, con cái, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, phai nhạt. Chị S không muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với anh D và yêu cầu xin ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị S, anh D được thể hiện qua biên bản xác minh của Tòa án (BL 45). Hội đồng xét xử nhận định chị S không còn tình cảm với anh D, xuất phát từ việc anh D không chịu tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình, con cái, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung. Từ những phân tích trên thể hiện tình trạng hôn nhân của chị S, anh D đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mùa Thị S.

**[3] Về con chung:** Vợ chồng chị S, anh D có 02 người con chung là Vừ Duy Ph, sinh ngày 03/01/2017; Vừ A T, sinh ngày 21/6/2019. Hội đồng xét xử thấy chị S có nơi ở ổn định và hiện nay các con đang do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Còn anh D thường đi nay đây mai đó, không thường xuyên ở nhà và không có ý kiến về việc giao nuôi con chung. Căn cứ vào

điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, để tránh làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của con. Giao cho chị Mùa Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vừ Duy Ph, Vừ A T là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị S không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Mùa Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5] Án phí:** Chị Mùa Thị S là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Mùa Thị S được ly hôn anh Vừ A D.

**2. Về con chung:** Giao Vừ Duy Ph, sinh ngày 03/01/2017; Vừ A T, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Mùa Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Vừ A D chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Mùa Thị S có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Vừ A D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Mùa Thị S và anh Vừ A D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Về án phí:** Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Mùa Thị S.

**4. Quyền kháng cáo:** Chị Mùa Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/9/2021). Anh Vừ A D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền**

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh DB;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã T, huyện TG;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Giàng A Tăng**